

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Lương.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Bà Phạm Thị Lâm Anh.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 364/2015/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2015 về việc Tranh chấp ly hôn.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Bà Lê Thị T có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức C - sinh năm: 1974.

ĐKKHKT: số A đường T, phường B, quận T, Hà Nội.

Chỗ ở: Phòng A nhà B, phường Y, quận C, Hà Nội.

Bị đơn: Chị Phạm Lê M - sinh năm: 1977.

ĐKKHKT: số A phố H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội.

Chỗ ở: Phòng A nhà B, phường Y, quận C, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T – sinh năm: 1960.

ĐKKHKT và chỗ ở: PA, nhà B tập thể T, phường T, quận H, Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Đức C và chị Phạm Lê M.

2.2 Về con chung: anh C và chị M xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Minh Q - sinh ngày: 06/08/2005 và cháu Nguyễn Tường C - sinh ngày: 08/01/2010. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Q cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu C cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh C, chị M cùng các thành viên gia đình anh C, chị M không được cản trở chị M, anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về tài sản chung: anh C và chị M xác nhận có tài sản chung là căn hộ Phòng A nhà B, phường Y, quận C, Hà Nội, tờ bản đồ số 00, diện tích sàn 105.49 m², được UBND quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH731116 ngày 19/10/2011, sổ vào sổ cấp CH4091/QĐ-UBND/2011/1788 mang tên Nguyễn Đức C và Phạm Lê M.

Anh chị thống nhất thỏa thuận giá trị căn hộ trên là 2.518.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm mười tám triệu đồng), chị M được toàn quyền sở hữu căn hộ và có trách nhiệm thanh toán cho anh C số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Sau khi chị M thanh toán số tiền trên cho anh C thì chị M được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên căn hộ trên.

2.4 Về tài sản riêng: anh C và chị M thống nhất xác định chiếc ô tô con, nhãn hiệu City, biển kiểm soát 30A – 060.84, màu ghi bạc, dung tích 1497 cm³, số khung: RLHGM2678D – Y301240, số máy: L15A71901298, sản xuất năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 178682 cấp ngày 20/12/2013 mang tên Phạm Lê M là tài sản riêng của chị Phạm Lê M.

2.5 Về nợ chung: anh C và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

2.6 Về nợ riêng: anh C, chị M và bà T thống nhất xác nhận khoản nợ 300.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền được ký giữa bà Lê Thị T và chị Phạm Lê M ngày 02/09/2013 là khoản nợ riêng của chị M, chị M có trách nhiệm trả cho bà T. Chị M và bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xét.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị T.

4. Về án phí: anh C tự nguyện chịu cả 200.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, xác nhận anh C đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 206 ngày 17/09/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, nay chuyển thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh C phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị M phải chịu 57.540.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị M đã nộp 28.069.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số 361 ngày 23/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, nay chị M còn phải nộp 29.471.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà T 11.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số 6084 ngày 29/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- UBND phường B, quận T, Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lương